

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN LÃNG  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HS-ST  
Ngày 26-6-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Lợi

Bà Chu Thị Bồi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Lộc Nam Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại nhà văn hoá thôn Tà Coóc, xã Bắc Việt, huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Chu Văn T, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1988 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Xuân G (đã chết) và bà Hoàng Thị N (đã chết); Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, đã bị xử lý hành chính tại Quyết định số 06/QĐ-TA ngày 30-9-2014 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chữa bệnh với thời gian 24 tháng, Chu Văn T đã chấp hành xong đã được xoá tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 28-02-2024, tạm giam ngày 05-3-2024 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 30 tháng 8 năm 1991 tại huyện D, tỉnh Nghệ An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N1, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1957 và bà Lại Thị D (đã chết);

Vợ: Lê Thị Hồng N, con: 02 con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 28-02-2024, tạm giam ngày 05-3-2024 đến nay; có mặt.

3. Phạm Văn T1, sinh ngày 27 tháng 02 năm 1984 tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: Thôn L, xã N2, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1983, con: 03 con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST ngày 21-02-2022 của Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong ngày 05-05-2023; tiền sự: Tại Quyết định số 274/QĐ-XPHC ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, bị cáo chưa chấp hành xong chưa được xoá tiền sự; nhân thân: Đã bị kết án chưa được xoá án tích, đã bị xử lý hành chính tại Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Ngọc Vân về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại xã, phường, thị trấn, bị cáo chấp hành xong theo giấy chứng nhận số 18/GCN-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 07-12-2012 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với người nghiện ma túy, bị cáo đã chấp hành xong theo giấy chứng nhận số 227/QĐ-TT ngày 17-12-2013 của Trung tâm Giáo dục lao động xã hội Sở Lao động, Thương binh, Xã hội tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 199/QĐXPHC ngày 06-9-2021 của Công an huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mức phạt 1.500.000đ, bị cáo đã nộp phạt ngày 30-9-2021 đã được xoá tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 28-02-2024, tạm giam ngày 05-3-2024 đến nay; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người chứng kiến: Anh Triệu Văn Đ; vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân Chu Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Ngọc H nghiện hút chất ma túy Heroine. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 28-02-2024 Nguyễn Ngọc H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave mang biển kiểm soát 12K7-9153 đến phòng ở trọ của Phạm Văn T1 tại thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nhằm mục đích tìm mua ma túy về sử dụng; khi đến phòng trọ, Phạm Văn T1 nói cho Nguyễn Ngọc H biết thông tin có Chu Văn T, trú tại nhà ở Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn biết chỗ mua ma túy, sau đó Nguyễn Ngọc H điều khiển xe mô tô chở Phạm Văn T1 đến nhà ở của Chu Văn T lúc khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày,

gặp Chu Văn T nói chuyện rồi cùng nhau thống nhất Nguyễn Ngọc H và Phạm Văn T1 góp tiền, mỗi người góp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đưa cho Chu Văn T đi mua ma túy đem về cùng nhau sử dụng chung (cả ba người Chu Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Ngọc H đồng ý). Sau đó một mình Chu Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 12K7-9153, đem theo 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) đến khu vực bờ suối thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn mua được 02 (hai) gói ma túy Heroine với 01 (một) người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết họ tên, tuổi, địa chỉ), Chu Văn T cầm 02 (hai) gói ma túy ở trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe đi về, khi về đến nhà lúc khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày 28-02-2024 thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện thu giữ 02 (hai) gói ma túy nêu trên. Tổ công tác đã đưa Chu Văn T, Nguyễn Ngọc H, Phạm Văn T1 đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng theo quy định.

Vật chứng thu giữ trong lòng bàn tay trái Chu Văn T có 02 (hai) gói giấy kẻ ô ly, bên trong đều chứa chất bột ma túy Heroine. Ngoài ra còn tạm giữ của Phạm Văn T1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15s màu đen (đã sử dụng) số IMEL1: 86985.50504.65340; IMEL2: 86985.50504.65357 kèm theo 01 sim mạng Vietell số 0358.933.917 và 01 (một) căn cước công dân số 024084016052 mang tên Phạm Văn T1; tạm giữ của Nguyễn Ngọc H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh lam (đã sử dụng) số IMEL1: 86143.80508.03154; IMEL2: 86143.80508.03147 kèm theo 01 sim mạng Vietell số 0969.455.566; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xám, đen (đã sử dụng), biển kiểm soát 12K7- 9153, số máy HC12E-1401430, số khung RLHHC12179Y200779; 01 (một) căn cước công dân số 040091012392 tên Nguyễn Ngọc H.

Tại bản Kết luận giám định số 363/KL-KTHS ngày 04-3-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Chất bột màu trắng gửi giám định là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,178 gam (đã trừ bì).

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKS, ngày 30-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Chu Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Ngọc H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, bản thân các bị cáo do nghiện ma túy nên đã đi mua ma túy mục đích về để sử dụng cho bản thân, tuy nhiên chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang.

Tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Chu Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Ngọc H, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Chu Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Ngọc H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Chu Văn T, đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn T từ 01 (một) năm 6 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Phạm Văn T1, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 01 (một) năm 03 (tháng) đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có tài sản riêng và không có thu nhập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì có chữ viết tay “QT ngày 28-02-2024” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Bùi Anh Thái, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,155 gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và các vỏ bao gói cũ.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15s màu đen (đã sử dụng) số IMEL1: 86985.50504.65340; IMEL2: 86985.50504.65357 kèm theo 01 sim mạng Vietell số 0358.933.917 và 01 (một) căn cước công dân số 024084016052 mang tên Phạm Văn T1; trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh lam (đã sử dụng) số IMEL1: 86143.80508.03154; IMEL2: 86143.80508.03147 kèm theo 01 sim mạng Vietell số 0969.455.566; 01 (một) căn cước công dân số 040091012392 tên Nguyễn Ngọc H.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được tổng đạt các văn bản quyết định tố tụng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đều có giá trị pháp lý, đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người chứng kiến. Xét thấy người chứng kiến đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; do vậy việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai người chứng kiến và phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 28-02-2024; Kết luận giám định số 363/KL-KTHS ngày 04-3-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, ngoài ra phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ xác định: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 28-02-2024 tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang các bị cáo Chu Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Ngọc H đang có hành vi tàng trữ 02 (hai) gói chất bột ma túy Heroine có tổng khối lượng 0,178 gam, nhằm mục đích sử dụng. Vì vậy Hành vi của Chu Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Ngọc H đã cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, theo như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu cho xã hội, là một trong các nguyên nhân gây phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn bất chấp và cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Trong vụ án này hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm tuy nhiên là đồng phạm giản đơn. Xét về vai trò các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Ngọc H có vai trò chủ động hơn bị cáo Chu Văn T. Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Chu Văn T, Nguyễn Ngọc H không có tình tiết tăng nặng, bị cáo Phạm Văn T1 có tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H có bố đẻ là ông Nguyễn Ngọc M được Nhà nước tặng thưởng Huân Chương chiến công hạng ba nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn T1 có tiền án chưa được xóa án tích, có 03 tiền sự trong đó có 02 tiền sự đã được xóa tiền sự còn 01 tiền sự chưa được xóa tiền sự nên xác định bị cáo Phạm Văn T1 là người có nhân thân xấu; bị cáo Chu Văn T có tiền sự đã được xóa tiền sự nên xác định Chu Văn T là người có nhân thân không tốt; bị cáo Nguyễn Ngọc H chưa có tiền án, tiền sự nên xác định là người có nhân thân tốt.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 5.000.000 (năm triệu) đồng đến 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Tuy nhiên căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 13-3-2024 tại Ủy ban nhân dân xã Diên Ngọc, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An, biên bản xác minh ngày 14-3-2024 tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, biên bản xác minh ngày 15-3-2024 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, thấy rằng các bị cáo không có công việc, không có thu nhập ổn định và nghiện ma túy. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì có chữ viết tay “QT ngày 28-02-2024” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Bùi Anh Thái, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,155 gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và các vỏ bao gói cũ vì là vật cấm tàng trữ, lưu hành, không có giá trị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15s màu đen (đã sử dụng) số IMEL1: 86985.50504.65340; IMEL2: 86985.50504.65357 kèm theo 01 sim mạng Viettel số 0358.933.917 và 01 (một) căn cước công dân số 024084016052 mang tên Phạm Văn T1; trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh lam (đã sử dụng) số IMEL1: 86143.80508.03154; IMEL2: 86143.80508.03147 kèm theo 01 sim mạng Viettel số 0969.455.566; 01 (một) căn cước công dân số 040091012392 mang tên Nguyễn Ngọc H vì không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[12] Đối với người đàn ông bán ma túy Heroine cho bị cáo Chu Văn T tại bờ suối thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, do không xác định được họ tên,

tuổi, địa chỉ của đối tượng này, nên cơ quan điều tra không có căn cứ làm rõ để xử lý.

[13] Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xám, đen biển kiểm soát 12K7-9153. Kết quả điều tra, xác minh làm rõ chủ sở hữu đăng ký xe là chị Dương Thị T3, sinh năm 1983 trú tại tổ E, khối F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn mua tại thời điểm năm 2009, đến cuối năm 2022 chị Dương Thị T3 bán chiếc xe cho anh Phan Mạnh H2, trú tại khu E1, thị trấn S, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; đến tháng 9 năm 2023 anh Phan Mạnh H2 bán chiếc xe cho Nông Văn T4, sinh năm 1984 trú tại thôn B1, xã H1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 28-02-2024 anh Nông Văn T4 cho Nguyễn Ngọc H mượn xe mô tô, nhưng không biết bị cáo Nguyễn Ngọc H sử dụng xe đi mua ma túy; do vậy ngày 16-5-2024 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe cho anh Nông Văn T4 chủ sở hữu hợp pháp; do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T1 thuộc diện hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí, tuy nhiên bị cáo không có đơn đề nghị xin miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, về việc xử lý vật chứng và giải quyết toàn bộ vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Chu Văn T;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn T1;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Chu Văn T, Nguyễn Ngọc H, Phạm Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

## **2. Về hình phạt**

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Chu Văn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 28-02-2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 28-02-2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 28-02-2024.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

## **3. Về xử lý vật chứng**

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì có chữ viết tay “QT ngày 28-02-2024” (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Bùi Anh Thái, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới, bên trong có 01 (một) gói giấy (cũ) đựng 0,155 gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và các vỏ bao gói cũ.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15s màu đen (đã sử dụng) số IMEL1: 86985.50504.65340; IMEL2: 86985.50504.65357 kèm theo 01 sim mạng Viettel số 0358.933.917 và 01 (một) căn cước công dân số 024084016052 mang tên Phạm Văn T1; trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh lam (đã sử dụng) số IMEL1: 86143.80508.03154; IMEL2: 86143.80508.03147 kèm theo 01 sim mạng Viettel số 0969.455.566; 01 (một) căn cước công dân số 040091012392 mang tên Nguyễn Ngọc H.

*(Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn).*

**4. Về án phí:** các bị cáo Chu Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Ngọc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn (02 bản);
- Đội Tổng hợp Công an H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thùy Linh**